TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **208**/2024/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 13 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 206/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024, về việc "Ly hôn" giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Hồng A, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường D, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị đơn: Ông Trần Đình B, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường D, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thị Hồng A và ông Trần Đình B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Hồng A và ông Trần Đình B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Trương Thị Hồng A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Trần Đức T, sinh ngày 26/5/2008 và Trần Thị Thanh H, sinh ngày 19/01/2011. Ông Trần Đình B cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng: Từ tháng 7/2024 đến khi con các chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Ông Trần Đình B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trương Thị Hồng A và ông Trần Đình B tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Trương Thị Hồng A và ông Trần Đình B mỗi người phải nộp 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông B phải nộp 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con. Bà A tự nguyện nộp thay toàn bộ án phí cho ông B. Như vậy, bà A phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005674 ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà Trương Thị Hồng A đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quy định chung: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực của pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã A1 (CNKH số 19, quyển số I/2007 ngày 12/02/2007);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thanh Huyền